



# MEDOVENT®

Viên nén  
Ambroxol hydroclorid

## THÀNH PHẦN

Mỗi viên nén MEDOVENT® chứa Ambroxol hydroclorid 30mg.

*Tá dược:* lactose, cellulose vi tinh thể, natri carboxymethylcellulose, silicon dioxid và magnesi stearat.

## MÔ TẢ

Viên nén tròn dẹt, màu trắng, có khắc vạch. Đường kính 8 mm.

## DƯỢC LỰC HỌC

Ambroxol là thuốc điều hòa sự bài tiết chất nhầy loại làm tan đàm, có tác động trên pha gel của chất nhầy bằng cách cắt đứt cầu nối disulfure của các glycoprotein và như thế làm cho sự long đàm được dễ dàng.

## DƯỢC ĐỘNG HỌC

Ambroxol hấp thu nhanh và gần như hoàn toàn với liều điều trị. Nồng độ tối đa trong huyết tương đạt được trong vòng 0,5 - 3 giờ sau khi dùng thuốc.

Thuốc liên kết với protein huyết tương xấp xỉ 90%.

Ambroxol khuếch tán nhanh từ máu đến mô với nồng độ thuốc cao nhất trong phổi. Thời gian bán thải từ 7 - 12 giờ.

Khoảng 30% liều uống được thải qua vòng hấp thu đầu tiên. Ambroxol được chuyển hóa chủ yếu ở gan. Tổng lượng bài tiết qua thận xấp xỉ 90%.

## CHỈ ĐỊNH

MEDOVENT® 30mg được chỉ định trong điều trị triệu chứng trong các bệnh phế quản-phổi cấp và mạn tính liên quan đến sự tiết chất nhầy bất thường hoặc sự tăng độ đặc của chất nhầy trong viêm phế quản, phổi.

## LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Dùng đường uống.

*Người lớn và người lớn tuổi:* 30 mg/lần, 3 lần/ngày

*Trẻ em:* không khuyến cáo sử dụng MEDOVENT® 30 mg cho trẻ em.

*Suy gan thận:* Liều thông thường của người lớn có thể sử dụng cho bệnh nhân suy gan, thận nhẹ và trung bình, nhưng nên theo dõi bệnh nhân chặt chẽ.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Người bệnh đã biết quá mẫn với ambroxol hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Bệnh nhân suy gan thận nặng.

Bệnh nhân loét dạ dày tá tràng tiến triển.

## THẬN TRỌNG

Cần chú ý với người bị loét đường tiêu hóa và các trường hợp ho ra máu, vì ambroxol có thể làm tan các cục đông fibrin và làm xuất huyết trở lại.

## TƯƠNG TÁC THUỐC

Dùng ambroxol với kháng sinh (amoxycilin, cefuroxim, erythromycin, doxycyclin) làm tăng nồng độ kháng sinh trong nhu mô phổi. Chưa có báo cáo về tăng hoạt tính kháng sinh trên lâm sàng.



*Thuốc chống ho:* không nên sử dụng thuốc đồng thời với thuốc chống ho codeine do làm giảm khả năng khạc đàm ra khỏi cổ họng.

Chưa thấy báo cáo có tương tác khi dùng ambroxol với các thuốc glycoside, corticosteroid, thuốc trị hen suyễn, thuốc lợi tiểu và các kháng sinh sử dụng cho điều trị viêm phế quản phổi.

## **THỜI KỲ MANG THAI & CHO CON BÚ**

*Phụ nữ có thai:*

Các nghiên cứu trên động vật cho thấy thuốc không gây quái thai. Do còn thiếu dữ liệu trên người, cần thận trọng khi dùng thuốc này trong thời gian mang thai, nhất là trong 3 tháng đầu của thai kỳ.

*Phụ nữ cho con bú:*

Chưa được biết ambroxol và các chất chuyển hóa có bài tiết vào sữa mẹ hay không, nên ngừng cho con bú nếu mẹ phải dùng thuốc.

## **ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC**

Chưa có báo cáo về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

## **TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN**

Ambroxol thường được dung nạp tốt. Các tác dụng không mong muốn ít gặp và thường biến mất nếu giảm liều hoặc ngưng dùng thuốc.

*Thần kinh trung ương:* hiếm khi bị mệt mỏi, đau đầu.

*Da:* hiếm khi bị dị ứng, viêm da, mẩn ngứa, phát ban, mề đay.

*Trên đường tiêu hóa:* thường gặp là buồn nôn. Hiếm khi bị táo bón, tiêu chảy, nôn, tăng nước bọt và khô miệng.

*Gan:* hiếm khi gặp tăng thoái qua aminotransferase huyết thanh.

*Tiết niệu:* khó tiểu.

*Hô hấp:* chảy nước mũi.

***Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.***

## **QUÁ LIỀU**

Chưa có triệu chứng quá liều trên người. Nếu xảy ra, cần điều trị triệu chứng.

**QUI CÁCH ĐÓNG GÓI:** Hộp 10 vi x 10 viên.

**BẢO QUẢN:** Nơi khô, ở nhiệt độ dưới 30 °C, tránh ánh sáng.

**HẠN DÙNG:** 60 tháng kể từ ngày sản xuất.

***Không dùng thuốc khi đã quá hạn sử dụng.***

***Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.***

***Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.***

***Tránh xa tầm tay trẻ em.***



Sản xuất bởi MEDOCHEMIE LTD.  
1 - 10 Constantinoupoleos  
3011 Limassol – Cộng Hòa Síp (Châu Âu).